

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **178/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 28/9/2022
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bận và ông Hoàng Việt Thống.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Sim - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk gia phiên tòa: Ông Phạm Việt Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 523/2022 ngày 21/6/2022, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 22/8/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Văn B

Địa chỉ: Thôn 5, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (có đơn đề nghị xử vắng mặt)

Bị đơn: Chị Thân Thị H.

Trú tại: Tổ dân phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn anh Lê Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh B và chị H chung sống với nhau tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 31/12/2015 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chính là tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau nên chị H về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2015 đến nay không chăm sóc con cái mà để một mình anh chăm sóc con, mặc dù anh khuyên bảo chị H nhưng đều không được. Nay Anh B xét thấy

tình cảm vợ chồng không còn vợ chồng đã sống ly thân nhau 7 năm nên Anh B yêu cầu Tòa án cho anh được ly hôn với chị H .

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Lê Hương G , sinh ngày 02/5/2013, cháu G từ nhỏ đến nay đang ở với anh nên anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

2. Đối với bị đơn chị Thân Thị H : Quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng và không tham gia phiên tòa, qua xác minh tại địa phương cho biết hiện nay chị H hiện tại đang cư trú tại địa phương về nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không nắm rõ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án từ khi Tòa án thụ lý và tại phiên tòa sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự còn bị đơn chưa chấp hành quyền, nghĩa vụ theo Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Văn B ; Cho anh Lê Văn B được ly hôn chị Thân Thị H ; Về con chung: Giao cháu Lê Hương G , sinh ngày 02/5/2013 cho anh Lê Văn B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con Anh B không yêu cầu nên không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết; Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thủ tục tố tụng: Nguyên có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là ly hôn và nuôi con đây là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung: Anh Lê Văn B và chị Thân Thị H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình duy trì quan hệ hôn nhân có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là tính cách không hợp, bất

đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau nên vợ chồng đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi đã 07 năm. Hội đồng xét xử, xét thấy mâu thuẫn giữa Anh B và chị H đã rất trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Văn B là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 56. Ly hôn theo yêu cầu của một bên

1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

.....

Về con chung: Anh B và chị H có con chung là cháu Lê Hương G , sinh ngày 02/5/2013, cháu G từ nhỏ đến nay đang ở với anh B , khi ly hôn thì Anh B có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung. Về lời khai của cháu Giang có nguyện vọng ở với Anh B nên Hội đồng xét xử cần giao cháu G cho Anh B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp; Về cấp dưỡng nuôi con chung Anh B không yêu cầu nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn anh Lê Văn B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 144, Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228 Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng: khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Văn B .

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn B được ly hôn với chị Thân Thị H .

2. Về con chung: Giao cháu Lê Hương G , sinh ngày 02/5/2013 cho anh Lê Văn B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Nguyên đơn anh Lê Văn B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000

đồng do Phạm Văn V đã nộp theo biên lai thu số 0019642 ngày 13/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp.BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- UBND P. Tân Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Lê Thị Mai

